

Customer LPO - Đơn đặt hàng của khách hàng

Customer LPO trong **Receivable** là viết tắt của **Customer Local Purchase Order** (Đơn đặt hàng nội bộ của khách hàng).

Ý nghĩa:

LPO là tài liệu do khách hàng phát hành, thường được sử dụng trong quá trình mua bán, để:

1. **Xác nhận đơn hàng:** Khách hàng đặt mua sản phẩm hoặc dịch vụ từ nhà cung cấp.
2. **Thể hiện chi tiết đơn hàng:** Gồm số lượng, giá cả, và điều khoản giao hàng.
3. **Ràng buộc pháp lý:** Được coi là một thỏa thuận chính thức giữa khách hàng và nhà cung cấp.

Trong **Receivable** của **VHTerp**:

- **Customer LPO** thường được liên kết với hóa đơn bán hàng (Sales Invoice) hoặc ghi nhận trong giao dịch, nhằm:
 - Theo dõi hóa đơn liên quan đến từng đơn đặt hàng của khách hàng.
 - Đảm bảo rằng việc lập hóa đơn dựa trên đơn đặt hàng đã được phê duyệt.

Ví dụ:

1. Khách hàng gửi một **LPO** để mua 100 chiếc bàn gỗ.
2. Nhà cung cấp tạo hóa đơn bán hàng (Sales Invoice) và đính kèm thông tin LPO này trong **Customer LPO**.
3. Trong **Receivable**, bạn có thể tra cứu các hóa đơn liên quan đến từng LPO để quản lý công nợ hiệu quả hơn.

Phiên bản #1

Được tạo 7 tháng 1 2025 04:06:50 bởi Vũ Hồng Anh

Được cập nhật 7 tháng 1 2025 04:09:05 bởi Vũ Hồng Anh